

Số: **835** /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày **03** tháng 6 năm 2016

### QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất và tiêu thụ nắm gấn với ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020”

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ các Nghị định của Chính phủ: số 02/2010/NĐ-CP ngày 08/01/2010 về chính sách khuyến nông; số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 Quy định chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã; số 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013 về chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn;

- Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 2457/QĐ-TTg ngày 31/12/2010 về việc phê duyệt Chương trình phát triển công nghệ cao đến năm 2020; số 176/QĐ-TTg ngày 29/01/2010 về việc phê duyệt Đề án Phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao đến năm 2020; số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 về việc phê duyệt Đề án đào tạo nghề cho lao động nông thôn đến năm 2020; số 01/2012/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 về một số chính sách hỗ trợ việc áp dụng Quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt trong nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản; số 439/QĐ-TTg ngày 16/04/2012 về việc phê duyệt Danh mục sản phẩm quốc gia thực hiện từ năm 2012 thuộc Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia đến năm 2020;

- Căn cứ Quyết định số 140/2011/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang;

Xét đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 42/TTr-SNN ngày 25/5/2016,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt Đề án hỗ trợ phát triển sản xuất và tiêu thụ nắm gấn với ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Bắc Giang, giai đoạn 2016-2020, với một số nội dung chính sau:

#### I. MỤC TIÊU CỦA ĐỀ ÁN

##### 1. Mục tiêu chung

Phát triển sản xuất nấm hàng hóa tập trung, ứng dụng công nghệ cao; xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa, chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ sản phẩm và hình thành thị trường tiêu thụ ổn định; đưa sản xuất nấm trở thành nghề cho hiệu quả cao, bền vững, góp phần giải quyết việc làm, nâng cao thu nhập và chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

- Xây dựng 12 mô hình chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ nấm ăn, nấm dược liệu trên địa bàn tỉnh, trong đó có:

+ 05 mô hình hợp tác xã;

+ 07 mô hình sản xuất nấm ứng dụng công nghệ cao.

- Tổ chức 25 lớp tập huấn kỹ thuật cho 875 lượt người.

- Phân đấu đến năm 2020, sản lượng nấm toàn tỉnh đạt 8.000-9.000 tấn/năm, giá trị đạt khoảng 250 tỷ đồng.

## **II. NỘI DUNG VÀ MỨC HỖ TRỢ**

### **1. Hỗ trợ xây dựng các mô hình hợp tác xã sản xuất nấm tham gia chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm**

#### **a) Điều kiện hỗ trợ**

- Có tổng số xã viên ít nhất là 15 xã viên.

- Tổng quy mô diện tích nhà xưởng, lán trại sản xuất nấm của 01 hợp tác xã tối thiểu là 4.500 m<sup>2</sup>.

- Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất và chế biến nấm tập trung, kho lạnh bảo quản sản phẩm theo thiết kế mẫu của Đề án quy định.

- Có hợp đồng bao tiêu sản phẩm ổn định ít nhất là 02 năm.

- Có đơn xin tham gia và cam kết đầu tư vốn đối ứng theo quy định của Đề án, có xác nhận của UBND cấp xã.

#### **b) Nội dung và mức hỗ trợ**

- Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã (nếu phải thành lập hợp tác xã). Mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/hợp tác xã.

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng nhà xưởng, máy móc thiết bị khu sản xuất và chế biến nấm tập trung:

+ Khu sản xuất (nếu có): Xây dựng nhà xưởng sản xuất có diện tích tối thiểu 300 m<sup>2</sup>, 01 nồi hơi công nghiệp công suất 500 kg hơi/giờ, 01 lò hấp thanh trùng công suất 6 - 8 tấn nguyên liệu/mẻ, 01 máy đóng bịch nấm, máy sàng và trộn nguyên liệu và các trang thiết bị, dụng cụ sản xuất nấm cần thiết khác. Mức hỗ trợ 300.000.0000 đồng/hợp tác xã.

+ Khu chế biến, bảo quản sản phẩm: Xây dựng nhà sơ chế có diện tích tối thiểu 100 m<sup>2</sup>, kho lạnh bảo quản sản phẩm có thể tích tối thiểu 60 m<sup>3</sup>, 01 máy hút chân không và đóng gói sản phẩm và các trang thiết bị, dụng cụ chế biến nấm cần thiết khác. Mức hỗ trợ 200.000.0000 đồng/hợp tác xã.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa. Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/hợp tác xã.

- Hỗ trợ phân chênh lệch giữa giá trị bao bì đóng gói có nhãn mác hàng hoá với bao bì đóng gói thông thường. Mức hỗ trợ 30.000 đồng/kg bao bì, thời gian hỗ trợ trong 02 năm liên tiếp. Mức hỗ trợ theo thực tế số lượng bao bì sử dụng mỗi năm nhưng tối đa 45.000.000 đồng/năm/mô hình.

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại: Hỗ trợ khi tham gia các hội trợ thương mại trong nước. Nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 140/2011/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

## **2. Hỗ trợ xây dựng các mô hình sản xuất nấm ứng dụng công nghệ cao khi tham gia chuỗi liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm**

### **a) Điều kiện hỗ trợ**

- Các tổ chức, cá nhân sản xuất nấm trên địa bàn tỉnh có đơn xin tham gia và cam kết đầu tư vốn đối ứng theo quy định của Đề án, có xác nhận của UBND cấp xã; thực hiện sản xuất nấm trong thời gian ít nhất là 10 năm;

- Đầu tư xây dựng nhà xưởng sản xuất và chế biến nấm, nhà nuôi trồng nấm ứng dụng công nghệ cao (nhà màng, nhà lạnh), phòng cấy giống nấm, kho lạnh bảo quản sản phẩm theo thiết kế mẫu của Đề án quy định.

- Quy mô tối thiểu cho sản xuất và chế biến nấm của 01 mô hình sản xuất nấm ứng dụng công nghệ cao được hỗ trợ như sau:

+ Mặt bằng sản xuất: 1.500 m<sup>2</sup>;

+ Nhà xưởng sản xuất và chế biến nấm: 300 m<sup>2</sup>;

+ Nhà nuôi trồng nấm ứng dụng công nghệ cao (nhà màng, nhà lạnh có gắn thiết bị điều tiết nhiệt độ, độ ẩm, ánh sáng, độ thông thoáng): 480 m<sup>2</sup> nhà màng hoặc 360 m<sup>3</sup> nhà lạnh (có mức đầu tư tương đương).

+ Phòng cấy giống: 30 m<sup>2</sup>;

+ Hệ thống các trang thiết bị, gồm: 01 nồi hơi công nghiệp, 01 lò hấp thanh trùng công suất từ 6-8 tấn nguyên liệu/mẻ, 01 máy sàng và trộn nguyên liệu, 01 máy đóng bịch; 01 máy hút chân không và đóng gói sản phẩm, 01 kho lạnh bảo quản sản phẩm và các trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến nấm cần thiết khác.

### **b) Nội dung và mức hỗ trợ:**

- Hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng và mua sắm trang thiết bị phục vụ sản xuất và chế biến nấm:

+ Hỗ trợ đầu tư xây dựng mới 03 mô hình sản xuất nấm ứng dụng công nghệ cao. Mức hỗ trợ 800.000.000 đồng/mô hình.

+ Hỗ trợ đầu tư cải tạo, nâng cấp 04 mô hình sản xuất nấm tập trung hiện có trên địa bàn tỉnh sản xuất nấm ứng dụng công nghệ cao. Mức hỗ trợ 350.000.000 đồng/mô hình để hỗ trợ đầu tư xây dựng mới nhà nuôi trồng nấm ứng dụng công nghệ cao (nhà màng, nhà lạnh), phòng cấy giống, kho lạnh bảo quản sản phẩm, máy hút chân không và đóng gói sản phẩm và các trang thiết bị, dụng cụ sản xuất, chế biến nấm cần thiết khác.

- Hỗ trợ xây dựng thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa. Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/mô hình.

- Hỗ trợ phân chênh lệch giữa giá trị bao bì đóng gói có nhãn mác hàng hoá với bao bì đóng gói thông thường. Mức hỗ trợ 30.000 đồng/kg bao bì, thời gian hỗ trợ trong 02 năm liên tiếp. Mức hỗ trợ theo thực tế số lượng bao bì sử dụng mỗi năm nhưng tối đa 45.000.000 đồng/năm/mô hình.

- Hỗ trợ xúc tiến thương mại: Hỗ trợ khi tham gia các hội trợ thương mại trong nước. Nội dung và mức hỗ trợ theo quy định tại Quyết định số 140/2011/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang ban hành Quy định nội dung chi và mức chi hỗ trợ cho hoạt động khuyến nông từ nguồn ngân sách địa phương trên địa bàn tỉnh Bắc Giang.

### **3. Hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm**

#### **a) Điều kiện hỗ trợ**

- Tổ chức, cá nhân có đơn xin tham gia Đề án.

- Có ký kết hợp đồng bao tiêu sản phẩm với các mô hình sản xuất năm của Đề án, tối thiểu 02 năm.

- Sản phẩm năm thu mua phải được đóng trong bao bì có nhãn mác, xuất xứ rõ ràng của các mô hình sản xuất năm của Đề án.

- Sản lượng năm (quy tươi) tiêu thụ phải đạt tối thiểu 10 tấn/năm.

#### **b) Nội dung và mức hỗ trợ**

- Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân có mức tiêu thụ từ 10 đến dưới 20 tấn năm/năm. Mức hỗ trợ 10.000.000 đồng/năm, hỗ trợ 2 năm liên tiếp.

- Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân có mức tiêu thụ từ 20 đến dưới 30 tấn năm/năm. Mức hỗ trợ 15.000.000 đồng/năm, hỗ trợ 2 năm liên tiếp.

- Hỗ trợ cho các tổ chức, cá nhân có mức tiêu thụ từ 30 tấn năm/năm trở lên. Mức hỗ trợ 20.000.000 đồng/năm, hỗ trợ 2 năm liên tiếp.

Tổng kinh phí hỗ trợ tiêu thụ sản phẩm năm khoảng 280.000.000 đồng.

### **4. Hỗ trợ tập huấn kỹ thuật**

Các tổ chức, cá nhân, hộ gia đình sản xuất, chế biến năm khi tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật sản xuất, phòng trừ dịch hại, xử lý môi trường, chế biến bảo quản năm theo Đề án thì được hỗ trợ kinh phí tập huấn theo quy định tại Quyết định số 140/2011/QĐ-UBND ngày 22/4/2011 của UBND tỉnh Bắc Giang.

### **5. Hỗ trợ thông tin tuyên truyền; tham quan học tập kinh nghiệm; hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết; quản lý, kiểm tra, nghiệm thu thanh quyết toán kinh phí**

- Hỗ trợ 100% kinh phí thông tin, tuyên truyền; tham quan học tập kinh nghiệm; hội nghị triển khai, sơ kết, tổng kết. Tổng kinh phí hỗ trợ 495.000.000 đồng.

- Hỗ trợ cho cơ quan chủ trì tổ chức, triển khai thực hiện đề án kinh phí để quản lý, chỉ đạo, kiểm tra, nghiệm thu thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ. Mức hỗ trợ bằng 3% tổng kinh phí hỗ trợ của Đề án được phê duyệt. Tổng kinh phí hỗ trợ 255.000.000 đồng.

## **6. Nguồn kinh phí thực hiện Đề án**

Tổng kinh phí thực hiện đề án: 27.685.000.000 đồng, trong đó:

- Ngân sách tỉnh hỗ trợ: 8.745.000.000 đồng (*chiếm 31,6% tổng kinh phí*).
- Kinh phí đối ứng: 18.940.000.000 đồng (*chiếm 68,4% tổng kinh phí*).

*(Chi tiết theo Đề án được phê duyệt)*

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

### **1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn**

Chủ trì thực hiện các nội dung của Đề án; phối hợp với các Sở, ngành và UBND các huyện, thành phố xây dựng kế hoạch sản xuất năm hàng năm; phối hợp với Sở Tài chính hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp kinh phí, thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ; hướng dẫn, kiểm tra, thẩm định và quyết định hỗ trợ đầu tư cho các tổ chức, cá nhân tham gia Đề án; bố trí lồng ghép các nguồn vốn đầu tư từ các chương trình mục tiêu quốc gia (đào tạo nghề, xây dựng nông thôn mới...) hỗ trợ phát triển sản xuất năm trên địa bàn tỉnh; phối hợp với Sở Xây dựng ban hành thiết kế mẫu nhà xưởng sản xuất, chế biến nấm, nhà nuôi trồng nấm ứng dụng công nghệ cao (nhà màng, nhà lạnh), phòng cấy giống, kho lạnh bảo quản sản phẩm cho các mô hình của Đề án; cần tranh thủ sự hỗ trợ của của các Bộ: Nông nghiệp và PTNT, Khoa học và Công nghệ trong việc thực hiện các Chương trình phát triển sản phẩm quốc gia, Chương trình phát triển công nghệ cao để nâng cao nguồn lực đầu tư phát triển sản phẩm nấm ăn, nấm dược liệu của tỉnh; tham mưu sơ kết, tổng kết việc triển khai thực hiện Đề án.

### **2. Các sở, ngành liên quan**

- Sở Tài chính: Căn cứ vào nội dung hỗ trợ và tiến độ thực hiện đề án để cân đối, tham mưu bố trí nguồn vốn từ ngân sách tỉnh cho Đề án; chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT hướng dẫn trình tự, thủ tục cấp kinh phí, thanh quyết toán nguồn kinh phí hỗ trợ đảm bảo đến tay người sản xuất; giám sát, kiểm tra việc thực hiện hỗ trợ, thanh, quyết toán theo đúng các quy định tài chính hiện hành.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, bổ sung nghề sản xuất nấm ăn, nấm dược liệu vào quy hoạch phát triển nông nghiệp và nông thôn của tỉnh giai đoạn 2010-2020; tham mưu cơ chế chính sách nhằm khuyến khích các doanh nghiệp trong và ngoài nước đầu tư phát triển nghề nấm trên địa bàn tỉnh.

- Sở Công thương: Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương khảo sát, xây dựng mạng lưới thị trường tiêu thụ sản phẩm; quảng bá, xúc tiến thương mại, kêu gọi các doanh nghiệp tham gia đầu tư sản xuất, chế biến, tiêu thụ nấm trên địa bàn tỉnh; cân đối, bố trí nguồn vốn hỗ trợ từ quỹ khuyến công để khuyến khích các cơ sở sản xuất nấm đầu tư nâng cấp, đổi mới công nghệ theo hướng cơ giới hóa, tự động hóa các khâu trong quá trình sản xuất.

- Sở Xây dựng: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng, ban hành thiết kế mẫu nhà xưởng sản xuất, chế biến nấm, nhà nuôi trồng nấm ứng dụng công nghệ cao (nhà màng, nhà lạnh), phòng cấy giống, kho lạnh bảo quản sản phẩm cho các mô hình của Đề án.

- Sở Khoa học và Công nghệ: Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT và các đơn vị chuyên môn triển khai các đề tài, dự án khoa học liên quan đến sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm; hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng thương hiệu cho các cơ sở, vùng sản xuất nấm trên địa bàn tỉnh; tranh thủ nguồn lực từ các chương trình khoa học công nghệ quốc gia để đầu tư phát triển sản xuất nấm trên địa bàn tỉnh.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Hướng dẫn trình tự thủ tục, tạo điều kiện thuận lợi cho người sản xuất nấm chuyển đổi mục đích sử dụng, cho thuê, mượn đất sản xuất.

- Liên minh Hợp tác xã: Hỗ trợ thành lập các hợp tác xã sản xuất, chế biến và tiêu thụ nấm; tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các hợp tác xã tiếp cận các nguồn vốn vay ưu đãi để đầu tư phát triển sản xuất.

- Các cơ quan truyền thông (Đài PT-TH tỉnh, Báo Bắc Giang): Tăng cường phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và PTNT, các sở, ngành liên quan và UBND các huyện, thành phố xây dựng các chương trình, chuyên đề tuyên truyền thường xuyên, sâu rộng trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm triển khai các nội dung, nhiệm vụ của đề án có hiệu quả.

**3. UBMTTQ và các đoàn thể của tỉnh:** Tích cực phối hợp với các cấp, các ngành, các đơn vị liên quan tổ chức tuyên truyền, triển khai các nội dung đề án, đưa việc thực hiện đề án vào trong các chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế cho các hội viên.

**4. UBND các huyện, thành phố:** Tổ chức thông tin, tuyên truyền về Đề án; xây dựng kế hoạch sản xuất nấm trên địa bàn; phối hợp với Sở Nông nghiệp và PTNT chỉ đạo các cơ quan chuyên môn và UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện tốt các nội dung của đề án; kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện đề án; tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân xây dựng mô hình sản xuất nấm trên địa bàn, giải quyết kịp thời các vấn đề vướng mắc về đất đai, mặt bằng sản xuất...; cân đối nguồn ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cho các tổ chức, cá nhân tham gia sản xuất nấm trên địa bàn; khen thưởng, động viên kịp thời các tổ chức, cá nhân làm tốt; tổ chức hội nghị triển khai, sơ, tổng kết đề án; chỉ đạo các địa phương duy trì và mở rộng quy mô sản xuất nấm sau khi đề án kết thúc.

**Điều 3.** Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Kho bạc nhà nước, Sở Kế hoạch và đầu tư, Sở Công thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *N*

- Như Điều 3;

- Lưu: VT, NN.Thăng.

Bản điện tử:

- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;

- Sở Nông nghiệp và PTNT(5);

- VP UBND tỉnh: LĐVP, TH, KT, CNN, THCB, TKCT;

KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



**Đương Văn Thái**